

Bản số: 104/2019/HNGĐ - ST

Ngày: 30/9/2019

V/v: *Tranh chấp ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TH - TỈNH TH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Thu

Ông Trần Trọng Tú

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Nguyễn Thu Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TH, tỉnh TH.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố TH: Không tham gia – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2019 tại hội trường, Tòa án nhân dân thành phố TH, tỉnh TH tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 450/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 06 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2019/QĐSTHNGĐ, ngày 16 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Bùi Văn Mh, sinh năm 1988 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

HKTT: Xóm 04, Xã Thanh Lương, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

Bị đơn: Chị Trần Thị Tuyết M, sinh năm 1989 (Có mặt)

HKTT: Tổ 4, phường Hoàng Văn Thụ, TP TH, tỉnh TH

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại biên bản hòa giải nguyên đơn anh Bùi Văn Mh trình bày: Anh và chị Trần Thị Tuyết M kết hôn năm 2017, do hai bên tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Hoàng Văn Thụ, TP. TH, tỉnh TH.

Quá trình chung sống vợ chồng chị có 01 con chung: Bùi Nhật Á, sinh năm 17/5/2018

Tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Lý do anh Mh xin ly hôn: Trong thời gian chung sống, thời gian đầu chung sống hạnh phúc được 01 thời gian ngắn, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do trong cuộc sống vợ chồng có nhiều bất đồng trong quan điểm sống, từ khi chị M sinh con được mấy ngày, chị M có thái độ hỗn láo không tôn trọng với chồng và mẹ chồng, xung đột cãi vã giữa hai vợ chồng ngày càng sâu sắc dẫn đến xúc phạm đến nhân phẩm, đạo đức của nhau. Vợ chồng anh đã ly thân nhau từ tháng 10/2018 đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị M để giải phóng cho nhau.

Khi ly hôn về con chung: Do con chung con còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ nên anh nhất trí để chị M được trực tiếp nuôi con, anh sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng chị M 1.000.000 đồng/ tháng

Tài sản chung và nợ chung: Anh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về án phí: Anh nhận nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

* *Tại bản tự khai và tại các phiên hòa giải* chị Trần Thị Tuyết M trình bày: Chị công nhận thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn như anh Mh trình bày như trên là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung: Bùi Nhật Á, sinh ngày 17/5/2018

Tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Do điều kiện chung sống không thường xuyên gần nhau, anh Mh đi công tác xa nhà nên có những hiểu lầm tuy nhiên theo chị chưa đến mức mâu thuẫn gay gắt. Không có việc chị xúc phạm hỗn láo với chồng và mẹ chồng, mâu thuẫn là hai vợ chồng tranh cãi nhau về quan điểm sống. Thực tế vợ chồng không hề có việc ly thân. Nay anh Mh làm đơn xin ly hôn với chị, chị không nhất trí, yêu cầu có thời gian để hai bên cùng suy nghĩ. Nếu anh Mh dứt khoát xin ly hôn chị, chị cũng nhất trí.

Về con chung: Nếu trường hợp anh Mh dứt khoát ly hôn chị, chị đề nghị được nuôi con chung do cháu hiện tại còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị yêu cầu anh Mh phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/ tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định hai vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do các đương sự không thỏa thuận được với nhau về mức cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử công khai ngày hôm nay.

Tại phiên tòa anh Mh có đơn xin xét xử vắng mặt, về nội dung vụ án anh Mh yêu cầu ly hôn với chị M, nhất trí để chị M trực tiếp nuôi con, anh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng chị M 1.000.000 đồng/ tháng. Chị M nhất trí ly hôn, đề nghị được nuôi con. Do chi phí nuôi con nhiều, anh Mh có công việc, thu nhập ổn định nên đề nghị anh Mh phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng chị tối thiểu 2.000.000 đồng/ tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tố tụng: Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, bị đơn chị Trần Thị Tuyết M có hộ khẩu thường trú tại tổ 04, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố TH nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố TH.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, anh Mh có đơn xin xét xử vắng mặt, giữ nguyên quan điểm ly hôn với chị M, nhất trí để chị M trực tiếp nuôi con, anh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng chị M 1.000.000 đồng/ tháng. Do vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn anh Bùi Văn Mh theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Anh Bùi Văn Mh và chị Trần Thị Tuyết M kết hôn năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hoàng Văn Thụ, thành phố TH, tỉnh TH, trên cơ sở tự nguyện nên được pháp luật thừa nhận là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân dẫn đến vợ chồng ly hôn theo anh Mh là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, luôn không có sự tôn trọng, cảm thông chia sẻ trong cuộc sống, chị M không tôn trọng chồng và gia đình nhà chồng dẫn đến mâu thuẫn giữa hai bên ngày càng gay gắt. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2018 cho đến nay. Chị M cho rằng chỉ là mâu thuẫn nhỏ trong gia đình, chị xác định vẫn còn tình cảm mong muốn anh Mh suy nghĩ để vợ chồng cùng nuôi dạy con chung, nếu anh Mh kiên quyết xin ly hôn chị cũng nhất trí. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải để hai bên cùng suy nghĩ nhưng anh Mh vẫn kiên quyết xin ly hôn với chị M xác định vợ chồng không thể hàn gắn được với nhau, tại phiên tòa chị M nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Bùi Văn Mh và chị Trần Thị Tuyết M.

[3] . **Về con chung:** Hai vợ chồng 01 con chung Bùi Nhật Á, sinh ngày 17/5/2018. Do con còn nhỏ nên anh Mh nhất trí để chị M trực tiếp nuôi con, chị M đề nghị được nuôi con. Hội đồng xét xử thấy, con chung Bùi Nhật Á hiện còn nhỏ đang dưới 36 tháng tuổi nên rất cần sự chăm sóc của người mẹ,

chị M có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung và theo quy định của Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử thấy cần công nhận sự thỏa thuận giữa anh Mh và chị M giao con chung Bùi Nhật Ánh cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác là phù hợp với thực tế và phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014

Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 quy định: “ 1. Sau khi ly hôn, vợ chồng vẫn có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của luật này, bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan.

2. Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ và quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”.

3. Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con

[4]. **Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng:** Chị M yêu cầu anh Mh phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/ tháng, anh Mh không nhất trí, anh xác định do điều kiện hoàn cảnh anh đi làm ăn xa nhà, nuôi mẹ già và bản thân nên anh không có điều kiện để cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/ tháng, anh đề nghị có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng chị M 1.000.000đồng/ tháng. Nếu chị M không nhất trí anh đề nghị mức cấp dưỡng theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử nhận thấy: Giữa anh Mh và chị M không thỏa thuận được với nhau về mức cấp dưỡng nuôi con. Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình : Sau khi ly hôn “ Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, cũng như để phù hợp với thu nhập thực tế của anh Mh, nhu cầu thiết yếu, cũng như điều kiện của người mẹ khi chăm sóc con, cần buộc anh Mh phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng chị M với mức 1.500.000 đồng/ tháng là phù hợp.

[4] **Về tài sản chung, nợ chung:** Anh Mh, chị M xác định không có tài sản chung, không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] **Về án phí:** Anh Mh phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm, chị M phải nộp toàn bộ án phí cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Áp dụng: Các Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết 326/ 2016/ UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Bùi Văn Mh và chị Trần Thị Tuyết M

2. Về con chung: Giao con chung Bùi Nhật Á, sinh ngày 17/5/2018 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con trưởng thành(đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh Mh có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

*** Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:** Anh Mh phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng chị M 1.500.000đ/ tháng kể từ tháng 10/2019 cho đến khi con trưởng thành(đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì phải chịu lãi suất trên số tiền chậm thi hành cho đến khi thi hành xong. Mức lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Án phí: Anh Mh phải nộp 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đ(Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con vào Ngân sách nhà nước, được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001768 ngày 04/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TH. Anh Mh còn phải nộp 300.000 đồng vào Ngân sách nhà nước.

Chị M có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Mh vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết bản án

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6,7 và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP;
- Chi cục THADS TP;
- TAND tỉnh TN;
- Đương sự;
- UBND phường(xã);
- Lưu HS, BP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Anh Thư

